

Bản số: 04/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 20/02/2020

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TH - TỈNH TH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Ông Trần Quảng Thái

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hoài - Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố TH, tỉnh TH.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố TH: Bà Nguyễn Thị Thu
Nhưng – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2020 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố TH, tỉnh TH tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 900/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐST- HNGĐ, ngày 09 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Thanh N, sinh năm 1988 (Có mặt)

HKTT: Xóm Cây Thị, xã Linh Sơn, TP TH, tỉnh TH. **Bị đơn:** Chị
Nguyễn Thị H, sinh năm 1992

HKTT: Xóm Cây Thị, xã Linh Sơn, TP TH, tỉnh TH. (Chị H vắng mặt
lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do)

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn anh Lê Thanh N trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn năm 2009, trước khi kết hôn hai bên có được tìm hiểu việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và đăng ký kết hôn tại UBND xã Linh S, thành phố TH. Quá trình chung sống, anh chị có 02 con chung là Lê Thanh Hg, sinh ngày 01/03/2009 và Lê Thanh B, sinh ngày 14/12/2010. Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống vui vẻ H phúc, sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm không có tiếng nói chung, quan điểm sống không phù hợp. Khi mâu thuẫn xảy ra đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không cải thiện được, nên anh và chị H đã sống ly thân nhau từ năm 2011 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề N được ly hôn với chị H.

Về con chung: Khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là Lê Thanh B và Lê Thanh Hg, không yêu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí: Anh N tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân thành phố TH đã gửi thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập cho chị Nguyễn Thị H đến Tòa án viết bản tự khai và tham gia tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải nhưng chị H không đến Tòa án giải quyết theo quy định. Tòa án đã tiến hành xác minh với Công an xã Linh Sơn, thành phố TH về việc chị H hiện vẫn có Đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương, chưa cắt khẩu đi đâu.

Tòa án cùng chính quyền địa phương tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng chị H vẫn không đến Tòa án để viết bản tự khai cũng như tham gia tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để hòa giải cho anh N chị H, nhưng chị H mặc dù đã được triệu tập họp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án, đến nay anh N vẫn giữ nguyên quan điểm của mình là xin ly hôn chị H, Tòa án không tiến hành hòa giải được với các bên đương sự, vì vậy vụ án phải đưa ra xét xử công khai tại phiên tòa hôm nay.

Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa lần 1, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập phiên tòa lần 2 cho chị H tại địa phương để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, tuy nhiên chị H vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa anh N vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu được ly hôn với chị H, yêu cầu được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung không đề N Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án, người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn đã không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Anh Lê Thanh N và chị Nguyễn Thị H kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn vợ chồng bất đồng quan điểm sống, do tính cách không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã, cả hai sống ly thân từ năm 2011 đến nay, anh N xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn với chị H. Do vậy đề N Hội đồng xét xử cho anh N được ly hôn chị H là phù hợp Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Lê Thanh Hg sinh ngày 01/03/2009 và Lê Thanh B, sinh ngày 24/12/2010. Khi ly hôn anh N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Xét hai con đều có nguyện vọng được ở với anh N, chị H không có mặt tại phiên tòa nên đề N chấp nhận cho anh N được nuôi cả hai con chung.

Tài sản chung và nợ chung: Anh N xác định không có, nhưng chị H không có lời khai về tài sản chung, nợ chung, các bên đương sự không xuất trình chứng cứ chứng minh tài sản chung, nợ chung nên đề N HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: anh N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ kiện tranh chấp Hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28, Điều 35 BLTTDS năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố TH.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, thông báo kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa cho chị H theo đúng quy định tại Điều 177 BLTTDS năm 2015. Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị H đến phiên tòa công khai lần thứ 2 nhưng chị H vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt chị H tại phiên tòa.

[2]. Về nội dung vụ án:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Lê Thanh N kết hôn với chị Nguyễn Thị H năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Linh S, huyện Đồng H (nay thuộc thành phố TH), tỉnh TH là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Lý do anh N xin ly hôn chị H là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ lẫn nhau,

anh đã sống ly thân chị H từ năm 2011 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì quan hệ hôn nhân sẽ không mang lại H phúc cho cả hai bên đề N được ly hôn với chị H để giải phóng cho nhau. Xét tình cảm vợ chồng giữa anh N và chị H đã thực sự trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của anh N, cho anh N được ly hôn chị H là phù hợp thực tế và Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- **Về con chung:** Vợ chồng có 02 con chung Lê Thanh Hg sinh ngày 01/03/2009 và Lê Thanh B, sinh ngày 24/12/2010. Khi ly hôn anh N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Hiện hai con chung đang ở với anh N, hai con đều có nguyện vọng được ở với bố, chị H vắng mặt tại phiên tòa nên giao cả hai con chung cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con trưởng thành(đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị H có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh N không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Tòa án không lấy được lời khai chị H về việc vợ chồng có tài sản chung, nợ chung hay không và quan điểm của chị H đối với phần tài sản chung, nợ chung(nếu có) nên Tòa án không xem xét giải quyết tài sản chung, nợ chung trong vụ án ly hôn này. Khi các đương sự có yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung thì khởi kiện bằng vụ kiện khác kèm theo các tài liệu chứng cứ để chứng minh.

- **Về án phí:** anh N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

- N quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của anh Lê Thanh N, cho anh N được ly hôn chị Nguyễn Thị H

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Lê Thanh Hg, sinh ngày 01/03/2009 và Lê Thanh B, sinh ngày 24/12/2010 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị H có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh N không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

4. Về án phí: Anh N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách Nhà nước, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0002402 ngày 04/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh TH.

5. Về quyền kháng cáo: Anh N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND TP;
- Chi cục THADS TP;
- TAND tỉnh TN;
- Đường sự;
- UBND phường(xã);
- Lưu HS, BP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Thư

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Thư

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP TH
TỈNH TH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

TH, ngày 07 tháng 5 năm 2019

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

**** Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà***

**** Các hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Trần Xuân Viện

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Vào hồi 09 giờ, ngày 07/5/2019 tại Phòng N án, HĐXX sơ thẩm đã tiến hành N án đối với vụ án HNGĐ thụ lý số 27/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2019 về việc “ly hôn”, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hà, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Tổ 14, phường Tân Thành, thành phố TH, tỉnh TH.

Bị đơn: Anh Dương Anh Dũng, sinh năm 1975.

Nơi cư trú: Tổ 14, phường Tân Thành, thành phố TH, tỉnh TH.

1. Điều luật áp dụng:

Căn cứ: các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Áp dụng: Các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; N quyết 326/ 2016/ UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án..

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2. Tuyên xử:

2.1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Hà, cho chị Hà được ly hôn với anh Dương Anh Dũng.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2.2. Về con chung: Giao cả hai con chung là Dương Đức Anh, sinh ngày 28/9/2009 và Dương Khánh Ly, sinh ngày 04/5/2014, cho chị Hà trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh Dũng được quyền đi lại thăm nom con chung.

*** Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:** Tòa án không giải quyết vì chị Hà không yêu cầu.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2.4. Án phí: Chị Hà phải nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách nhà nước, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007208 ngày 07/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TH.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

Chị Hà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Dũng có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

Biên bản N án kết thúc cùng ngày.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Biên bản N án kết thúc cùng ngày.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA